

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2016

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2016

MỤC LỤC

Nội dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,539,796,888,740	4,093,457,988,546
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	98,018,236,930	1,151,036,779,095
1. Tiền	111		94,218,236,930	120,536,779,095
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,800,000,000	1,030,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,928,738,384,152	1,908,782,914,101
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4a	3,953,207,644	3,953,207,644
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(312,823,492)	(268,293,543)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4b	1,925,098,000,000	1,905,098,000,000
III. Các khoản phải thu	130		1,321,496,390,380	893,540,890,433
1. Phải thu khách hàng	131	2	351,547,539,267	239,150,094,374
2. Trả trước cho người bán	132		211,905,892,143	78,210,591,658
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	8,000,000,000	8,000,000,000
3. Các khoản phải thu khác	136	5	776,158,451,658	591,097,167,264
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(26,169,515,168)	(22,916,962,863)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	6	54,022,480	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	127,383,304,810	94,935,620,376
1. Hàng tồn kho	141		127,383,304,810	95,435,479,673
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(499,859,297)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64,160,572,468	45,161,784,541
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3	13,566,250,612	7,682,949,541
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41,156,529,498	36,547,776,266
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		9,437,792,358	931,058,734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,820,601,275,644	2,630,651,053,841
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(11,379,472,762)	27,173,813,506
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		(19,604,707,562)	19,604,707,562
2. Phải thu dài hạn khác	216		8,225,234,800	7,569,105,944
II. Tài sản cố định	220		736,910,944,931	662,259,512,810
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	338,909,640,465	260,223,477,234
- Nguyên giá	222		536,632,877,009	434,244,877,646
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(197,723,236,544)	(174,021,400,412)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	398,001,304,466	402,036,035,576
- Nguyên giá	228		439,531,124,854	439,243,824,854
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(41,529,820,388)	(37,207,789,278)
III. Tài sản dở dang dài hạn (240 = 241 + 242)	240	11	163,056,602,469	86,912,543,211
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		163,056,602,469	86,912,543,211
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,797,478,598,364	1,740,600,933,084
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4c	1,797,478,598,364	1,736,233,933,084
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4d	-	4,367,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		134,534,602,642	113,704,251,230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3	82,863,681,515	83,911,151,926
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		51,626,921,127	29,793,099,304
3. Tài sản dài hạn khác	268		44,000,000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6,360,398,164,384	6,724,109,042,387

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1,032,617,109,131	1,358,536,776,057
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 319 + 320 + 323)	310		864,755,065,057	1,302,221,009,501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	114,838,577,763	148,144,817,026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,403,717,791	4,272,596,174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	52,661,589,304	862,351,636,378
4. Phải trả người lao động	314		18,658,962,154	28,315,019,674
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	155,017,668,319	100,106,352,319
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	1,948,863,641	742,424,242
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	14,334,212,460	16,419,606,267
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	496,826,718,785	116,390,507,109
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,064,754,840	25,478,050,312
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 338 + 339)	330		167,862,044,074	56,315,766,556
1. Phải trả dài hạn khác	337		12,596,869,692	10,190,291,846
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		146,035,648,907	36,500,000,000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		9,229,525,475	9,625,474,710
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5,327,781,055,255	5,365,572,266,330
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		5,327,781,055,255	5,365,572,266,330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,192,083,261,700	3,192,083,261,700
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,959,484,318,538)	(1,958,652,945,062)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		51,162,916,267	51,162,916,267
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15,909,752,661	15,909,752,661
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,361,713,143,904	1,398,947,279,604
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		99,862,329,261	99,588,031,160
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 430)	440		6,360,398,164,386	6,724,109,042,387

TP. HCM, Ngày 10 tháng 07 năm 2016

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh



Tổng Giám Đốc

Trần Lệ Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	594,724,633,700	1,180,813,624,807	988,931,016,295	2,242,986,342,644
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	4,639,747,085	56,466,633,903	5,049,834,144	69,044,983,203
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		590,084,886,615	1,124,346,990,904	983,881,182,151	2,173,941,359,441
4. Giá vốn hàng bán	11	3	247,513,460,116	680,296,900,600	481,119,160,917	1,328,984,207,554
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		342,571,426,499	444,050,090,304	502,762,021,234	844,957,151,887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	30,442,363,882	6,583,906,425,315	61,642,330,228	6,533,242,820,001
7. Chi phí tài chính	22	5	8,570,068,253	52,713,669,859	12,596,089,823	50,251,496,185
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,475,161,387	11,557,560,617	3,852,304,123	18,056,248,665
8. Chi phí bán hàng	24	8b	223,669,394,728	291,707,384,774	351,046,075,220	570,582,577,078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8a	62,402,855,223	149,798,930,947	112,338,370,920	261,707,149,332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78,371,472,177	6,533,736,530,040	88,423,815,499	6,495,658,749,293
11. Thu nhập khác	31	6	37,340,020,619	13,414,466,161	39,003,906,762	9,135,886,630
12. Chi phí khác	32	7	2,673,193,606	12,046,957,329	2,885,429,444	5,329,404,713
13. Lợi nhuận khác	40		34,666,827,013	1,367,508,832	36,118,477,318	3,806,481,917
14. (Lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	45		41,724,082,878	-	61,244,665,280	6,730,789,077
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		154,762,382,068	6,535,104,038,872	185,786,958,097	6,506,196,020,287
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	35,343,931,086	1,417,848,099,352	41,814,144,900	1,454,577,086,924
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(14,504,951,095)	(5,374,181,075)	(17,476,663,569)	(10,584,338,396)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		133,923,402,077	5,122,630,120,595	161,449,476,766	5,062,203,271,759
Phân bổ cho:						
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		11,902,612	5,528,678	(3,539,350)	(156,988,756)
Cổ đông của công ty mẹ	62		133,911,499,465	5,122,624,591,916	161,453,016,116	5,062,360,260,515

Người lập

Kế Toán Trưởng

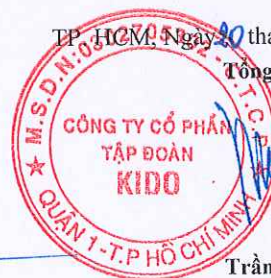
TP. HCM, Ngày 20 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám Đốc

Trần Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Oanh

Trần Lệ Nguyên



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		185,786,958,097	6,682,302,151,470
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		28,401,899,641	174,976,445,311
- Các khoản dự phòng	3		2,347,251,242	12,072,052,844
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(2,618,539)	(226,608,917)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(56,799,884,765)	(6,800,099,171,435)
- Chi phí lãi vay	6		3,852,304,123	21,787,939,086
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	-	163,585,909,799	90,812,808,359
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	9		(269,002,408,137)	(271,186,392,163)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		(31,947,825,137)	31,715,749,858
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(23,650,357,561)	127,127,690,448
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		(4,835,830,660)	2,848,141,549
- (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(3,944,908,501)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,464,357,691)	(23,078,866,372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(869,613,512,468)	(581,862,133,219)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(22,770,453,726)	(27,085,699,862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	(1,061,698,835,581)	(654,653,609,903)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(179,339,927,826)	(226,856,370,191)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35,408,626	13,361,223,668
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,000,000,000)	(1,935,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	730,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100,561,850,000)	(93,020,570,683)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6,192,730,485	7,299,890,797,742
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18,885,310,237	177,726,288,982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(274,788,328,478)	5,966,101,369,518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(831,373,476)	(1,322,183,110,162)
3. Tiền thu từ đi vay	33		682,748,042,343	1,783,168,184,628
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(192,776,181,760)	(2,153,596,169,230)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(205,674,483,750)	(4,935,141,036,289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		283,466,003,357	(6,627,752,131,053)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1,053,021,160,702)	(1,316,304,371,438)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,151,036,779,095	2,467,177,548,607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,618,537	163,601,926
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		98,018,236,930	1,151,036,779,095

TP. HCM, Ngày 10 tháng 07 năm 2016

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Tổng Giám Đốc



Trần Lê Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
Quý II năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh:

Ngày:

Số 4103001184	
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Số 0302705302	
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 03 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	02 tháng 03 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	21 tháng 3 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	2 tháng 4 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười tám	18 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười chín	26 tháng 02 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi	06 tháng 07 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi một	28 tháng 09 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi hai	01 tháng 10 năm 2015

KDC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của KDC là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 138-142 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

• **Công ty TNHH MTV KIDO (“KIDO”)**

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong KIDO, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 80% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội (“HTIC”)

KDC sở hữu 75.73% vốn chủ sở hữu trong HTIC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. HTIC có trụ sở đăng ký tại số 534 – 536, Phố Bạch Mai, Phường Trưng Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

· Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO (“KDT”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDT, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2015. KDT có trụ sở đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty TNHH Một Thành viên Thực Phẩm Kido (“KDF”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDF, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sở hữu bởi KIDO được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. KDF có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty liên doanh đồng kiểm soát

· Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty Cổ phần Moldelez Kinh Đô Việt Nam (“MKD”)

KDC sở hữu 20% vốn chủ sở hữu trong KDBD, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4603000129 do SKHĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của KDBD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	55 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn không giao dịch trên thị trường thì căn cứ vào số lỗ lũy kể trên Báo cáo tài chính của công ty phát hành các chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính cùng kỳ.

Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ một năm một phần hai tháng lương và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
1. Tiền		
- Tiền mặt	1,287,911,405	1,414,888,014
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	92,930,325,525	119,121,891,081
- Tương đương tiền	3,800,000,000	1,030,500,000,000
Cộng	<u>98,018,236,930</u>	<u>1,151,036,779,095</u>
2. Phải thu của khách hàng	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
- Công ty TNHH Đạt Toàn Phú	146,741,274,560	115,760,235,352
- Công ty TNHH Đạt Toàn Phát	187,823,970,176	90,194,488,110
- Các khoản phải thu khách hàng khác	16,982,294,531	33,195,370,912.04
Cộng	<u>351,547,539,267</u>	<u>239,150,094,374</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty TNHH Tân An Phước	-	5,555,000
- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	12,899,102,350	13,237,762,029
Cộng	<u>12,899,102,350</u>	<u>13,243,317,029</u>
3. Chi phí trả trước:	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a) Ngắn hạn		
- Dịch vụ mua ngoài	13,566,250,612	7,682,949,541
Cộng	<u>13,566,250,612</u>	<u>7,682,949,541</u>
b) Dài hạn	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền thuê đất	61,929,928,798	59,697,963,166
- Sửa chữa văn phòng	3,020,261,987	20,599,004,714
- Khác	17,913,490,730	3,614,184,046
Cộng	<u>82,863,681,515</u>	<u>83,911,151,926</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

4. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
- Tổng giá trị cổ phiếu:						
Công ty Cổ phần Hóa An	140,772	107,700	(33,072)	140,772	26,400	(114,372)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	89,634	57,500	(32,134)	89,634	75,499	(14,135)
Ngân hàng Á Châu	3,837,667	1,300,401	(2,537,266)	3,837,667	931,651	(2,906,016)
Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	3,478,263	1,240,000	(2,238,263)	3,478,263	1,202,000	(2,276,263)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	309,177	170,300	(138,877)	309,177	170,300	(138,877)
Công ty Cổ phần Vincom	53,350	906,300	-	53,350	906,300	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	390,279	246,400	(143,879)	390,279	246,400	(143,879)
Công ty CP Chứng Khoán TP. HCM	1,802,700,000	1,495,000,000	(307,700,000)	1,802,700,000	1,802,700,000	(262,700,000)
Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen	396,594,000	396,594,000	-	396,594,000	396,594,000	-
Công ty CP Tập Đoàn Hoà Phát	1,745,614,500	1,745,614,500	-	1,745,614,500	1,745,614,500	-
Cộng	3,953,207,643	3,641,237,101	(312,823,492)	3,953,207,643	3,948,467,050	(268,293,543)
- Tổng giá trị trái phiếu:						
Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh	98,000,000	98,000,000	-	98,000,000	98,000,000	-
Cộng	98,000,000	98,000,000	-	98,000,000	98,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn	Đầu năm	
	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn	1,925,000,000,000	1,905,000,000,000

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty Cổ Phần Dầu Từ Lavenue	1,040,032,442,340	1,040,032,442,340	-	1,041,034,233,887
- Tổng C.ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt N:	528,159,735,673	528,159,735,673	-	481,798,294,599
- Công Ty CP Mondelez Kinh Đô Việt Nam	229,286,420,352	229,286,420,352	-	213,401,404,599
Cộng	1,797,478,598,365	1,797,478,598,365	-	1,736,233,933,085

d) Đầu tư vào đơn vị khác;

- Công ty Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	-	-	-	8,640,000,000
--	---	---	---	---------------

5. Phải thu khác

* Ngắn hạn	cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu người lao động:	8,428,849,177	-	339,417,139	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ:	26,260,000	-	484,421,103	-
- Các khoản chi hộ:	17,229,879,026	-	3,268,718,089	-
- Tạm ứng đầu tư	636,998,257,211	-	536,436,407,211	-
- Phải thu khác:	113,475,206,244	-	50,568,203,722	-
Cộng	776,158,451,658	-	591,097,167,264	-

6. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)

b) Hàng tồn kho;

7. Hàng tồn kho:

- Hàng đang đi trên đường;

- Nguyên liệu, vật liệu;

- Công cụ, dụng cụ;

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;

- Thành phẩm;

- Hàng hóa;

Cộng

Cuối kỳ		Đầu năm	
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
-	47,563,793	-	-
Cuối kỳ		Đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
-	-	2,138,167,962	-
68,094,520,231	-	34,045,311,297	-
19,517,188,410	-	20,524,083,515	-
4,899,998	-	-	-
36,950,821,420	-	28,065,993,519	(499,859,297)
2,815,874,751	-	10,661,923,380	-
127,383,304,810	-	95,435,479,673	(499,859,297)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	73,900,290,879	237,197,706,733	100,013,680,700	23,133,199,334	434,244,877,646
- Mua trong năm	1,227,724,726	2,306,379,596	10,739,652,907	720,293,172	14,994,050,401
- Đầu tư XD CB hoàn thành	4,412,084,069	66,277,200,528	12,909,304,901	4,280,644,200	87,879,233,698
- Tăng khác	35,284,469	-	-	-	35,284,469
- Giảm khác	-	-	(520,569,205)	-	(520,569,205)
Số dư cuối năm	79,575,384,143	305,781,286,857	123,142,069,303	28,134,136,706	536,632,877,009
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(18,628,745,248)	(100,408,180,625)	(40,791,965,675)	(14,192,508,864)	(174,021,400,412)
- Khấu hao trong năm	(2,205,404,797)	(13,764,941,069)	(6,697,241,938)	(1,412,280,726)	(24,079,868,531)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	378,032,399	-	378,032,399
Số dư cuối năm	(20,834,150,045)	(114,173,121,694)	(47,111,175,214)	(15,604,789,590)	(197,723,236,544)
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	55,271,545,631	136,789,526,108	59,221,715,025	8,940,690,470	260,223,477,234
- Tại ngày cuối kỳ	58,741,234,098	191,608,165,163	76,030,894,089	12,529,347,116	338,909,640,465

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	350,000,648,050	50,063,419,682	16,591,966,348	-	-	22,587,790,774	439,243,824,854
- Mua trong năm	-	287,300,000	-	-	-	-	287,300,000
Số dư cuối năm	350,000,648,050	50,350,719,682	16,591,966,348	-	-	22,587,790,774	439,531,124,854
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	(148,130,847)	(21,704,990,641)	(8,295,983,174)	-	-	(7,058,684,616)	(37,207,789,278)
- Khấu hao trong năm	-	(2,786,564,331)	(829,598,318)	-	-	(705,868,462)	(4,322,031,111)
Số dư cuối năm	(148,130,847)	(24,491,554,972)	(9,125,581,492)	-	-	(7,764,553,078)	(41,529,820,389)
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	349,852,517,203	28,358,429,041	8,295,983,174	-	-	15,529,106,158	402,036,035,576
- Tại ngày cuối kỳ	349,852,517,203	25,859,164,711	7,466,384,856	-	-	14,823,237,696	398,001,304,466

10. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Phí triển khai phần mềm	110,570,860	-
- XDCB;	162,140,235,624	58,982,459,761
- Mua sắm	805,795,985	26,927,666,141
- Khác	-	1,002,417,309
Cộng	163,056,602,469	86,912,543,211

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

II. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:				
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	7,818,405,122	7,818,405,122	11,627,814,504	11,627,814,504
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	-	-	6,886,916,908	6,886,916,908
- Phải trả cho các đối tượng khác	107,020,172,641	107,020,172,641	129,630,085,614	129,630,085,614
Cộng	114,838,577,763	114,838,577,763	148,144,817,026	148,144,817,026
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				
- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	-	-	90,721,430	90,721,430
- Tổng công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	7,818,405,122	7,818,405,122	11,627,814,504	11,627,814,504
- Công ty Cổ Phần Modelez Kinh Đô Việt Nam	-	-	2,328,399	2,328,399
- Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	-	-	5,177,066,842	5,177,066,842
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	-	-	8,923,171,195	8,923,171,195

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chi tiết theo từng loại thuế	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	2,958,016,360	21,031,715,904	14,697,073,897	9,292,658,367	8,640,967,826
- Thuế TNDN	857,214,406,252	40,800,307,943	869,613,512,468	28,401,201,727	38,375,916,564
- Thu TNCN	1,615,225,294	16,627,735,811	13,702,091,311	4,540,869,794	197,448,692
- Thuế khác	(367,070,262)	1,833,918,823	477,781,503	989,067,058	54,055,368
Cộng	861,420,577,644	80,293,678,481	898,490,459,179	43,223,796,946	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí lương T13	20,699,477,608	9,023,620,580
- Chi phí tiếp thị, quảng cáo	66,275,269,232	45,459,106,714
- Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, thưởng	45,204,098,143	-
- Chi phí vận chuyển	3,013,577,529	759,827,047
- Chi phí khác	18,331,256,616	9,942,682,430
- Chi phí dịch vụ tiện ích phải trả	1,493,989,191	327,115,548
- Thuế và phí chuyển quyền sử dụng đất	-	34,594,000,000
Cộng	155,017,668,319	100,106,352,319

14. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	42,119,884	-
- Kinh phí công đoàn;	1,118,513,923	1,209,712,679
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;	4,964,002,440	1,083,072,301
- Bảo hiểm thất nghiệp;	182,617,400	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	7,218,796	35,420,324
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	5,502,707,000	5,516,049,750
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	2,517,033,017	8,575,351,213
Cộng	14,334,212,460	16,419,606,267

15. Vay và nợ thuê tài chính

Chi tiêu	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam- CN- HCM	-	-	-	10,588,647,960	10,588,647,960	10,588,647,960
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	46,798,418,815	46,798,418,815	46,798,418,815	4,491,727,680	4,491,727,680	4,491,727,680
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	111,375,000,000	111,375,000,000	111,375,000,000	-	-	-
Ngân hàng Quân Đội	145,955,400,111	145,955,400,111	177,564,663,071	94,244,431,993	62,635,169,033	62,635,169,033
Ngân hàng Chinatrust	21,660,700,223	21,660,700,223	21,660,700,223	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	171,037,199,636	171,037,199,636	210,318,611,327	77,956,374,127	38,674,962,436	38,674,962,436
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng Chinatrust	29,200,000,000	29,200,000,000	-	7,300,000,000	36,500,000,000	36,500,000,000
Ngân hàng Quân Đội	116,835,648,907	116,835,648,907	116,835,648,907	-	-	-
Cộng	642,862,367,692	642,862,367,692	684,553,042,343	194,581,181,760	152,890,507,109	152,890,507,109

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	2	4	7	8	9	10
Số dư đầu năm trước	2,566,533,970,000	3,274,294,092,589	15,909,752,661	1,084,534,422,015	(805,826,191,900)	51,162,916,267	6,186,608,961,632
- Lãi trong năm trước	-	-	-	5,269,944,960,501	-	-	5,269,944,960,501
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(1,152,826,753,162)	-	(1,152,826,753,162)
- Cổ tức đã trả	-	-	-	(4,938,383,961,000)	-	-	(4,938,383,961,000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	(6,285,141,912)	-	-	(6,285,141,912)
- Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(10,862,000,000)	-	-	(10,862,000,000)
- Giảm khác	-	(82,210,830,889)	-	-	-	-	(82,210,830,889)
Số dư đầu năm nay	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	15,909,752,661	1,398,948,279,604	(1,958,652,945,062)	51,162,916,267	5,265,985,235,170
- Lãi trong năm nay	-	-	-	161,453,016,116	-	-	161,453,016,116
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(831,373,476)	-	(831,373,476)
- Cổ tức đã trả	-	-	-	(205,661,141,000)	-	-	(205,661,141,000)
- Khác	-	-	-	6,972,989,184	-	-	6,972,989,184
Số dư cuối kỳ	2,566,533,970,000	3,192,083,261,700	15,909,752,661	1,361,713,143,904	(1,959,484,318,538)	51,162,916,267	5,227,918,725,994

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

- Doanh thu bán hàng;

Cộng

Năm nay	Năm trước
594,724,633,700	1,180,813,624,807
594,724,633,700	1,180,813,624,807

b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).

- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn

- 16,682,328

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong đó:

- Chiết khấu thương mại;

- Giảm giá hàng bán;

- Hàng bán bị trả lại.

Cộng

Năm nay	Năm trước
630,526,526	16,888,667,688
93,186,268	-
3,916,034,291	39,577,966,215
4,639,747,085	56,466,633,903

3. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã bán;

- Giá vốn của thành phẩm đã bán;

Cộng

Năm nay	Năm trước
38,601,250,051	238,174,533,755
208,912,210,065	442,122,366,845
247,513,460,116	680,296,900,600

4. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Lãi chênh lệch tỷ giá;

- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

Cộng

Năm nay	Năm trước
25,891,374,773	27,559,751,113
79,000,000	-
2,217,314,922	425,556,097
2,254,674,187	6,555,921,118,106
30,442,363,882	6,583,906,425,315

5. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay;

- Lỗ chênh lệch tỷ giá;

- Chi phí tài chính khác;

Cộng

Năm nay	Năm trước
5,888,301,393	6,498,688,048
973,510,261	2,128,830,912
1,708,256,599	44,086,150,899
8,570,068,253	52,713,669,859

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**6. Thu nhập khác**

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Tiền phạt thu được;
- Các khoản khác.

Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
605,388,029	1,358,526,335
-	10,000,000
36,734,632,590	12,045,939,826
<u>37,340,020,619</u>	<u>13,414,466,161</u>

7. Chi phí khác

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Các khoản khác.

Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
181,055,663	4,141,505,291
2,492,137,943	7,499,349,665
<u>2,673,193,606</u>	<u>12,046,957,329</u>

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN;
- Chi phí nhân công
- Khấu hao TSCĐ
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí bán hàng khác.

Cộng

<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
38,360,781,355	57,412,382,491
5,825,071,073	4,750,100,719
1,322,149,276	820,119,841
168,527,985,224	219,034,763,152
9,633,407,800	9,690,018,571
<u>223,669,394,728</u>	<u>291,707,384,774</u>

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng;
- Chi phí nhân công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khấu hao
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Các khoản chi phí quản lý khác.

25,486,893,124	71,101,266,830
22,267,780,514	58,064,281,143
4,460,473,293	9,086,917,405
529,271,984	1,411,632,353
9,658,436,308	10,134,833,216
<u>62,402,855,223</u>	<u>149,798,930,947</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**THÔNG TIN BỘ PHẬN****Doanh thu bộ phận**

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên đặc điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

Bộ phận theo khu vực địa lý

	<i>Khu vực miền Nam</i>	<i>Khu vực miền Bắc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	774,187,593,212	214,743,423,083	988,931,016,295
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2,755,014,677)	(2,294,819,467)	(5,049,834,144)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	208,725,000,726	67,272,727	208,792,273,453
	980,157,579,261	212,515,876,343	1,192,673,455,604
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(208,792,273,453)
Doanh thu trong năm			983,881,182,151
Lợi nhuận bộ phận	172,344,450,463	(6,560,565,746)	165,783,884,717
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			25,891,374,773
Chi phí lãi vay			(5,888,301,393)
Chi phí khấu trừ lợi thế thương mại			-
			-
Lợi nhuận kế toán trước thuế			185,786,958,097
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	28,401,899,641	201,950,481	28,603,850,123
Dự phòng phải thu khó đòi	(26,169,515,168)	-	(26,169,515,168)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
			-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016			
Tài sản bộ phận	6,017,212,363,195	343,185,801,189	6,360,398,164,384
Nợ phải trả bộ phận	1,030,099,109,725	2,517,999,406	1,032,617,109,131

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>Quý 2/2016</i>
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam		Khác	2,263,423,563
Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(24,195,107,700)
		Phí gia công	(232,247,840)
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(1,317,648,234)
- CN Công ty TNHH Đầu Tư Ki Do	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	2,319,998

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>Quý 2/2016</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn ("KDSG")	Công ty liên quan	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	12,899,102,350
			<u>12,899,102,350</u>
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Chi hộ	16,462,654,547
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam		Chi hộ	487,836,863
			<u>487,836,863</u>
Phải trả người bán ngắn hạn			
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	(7,818,405,122)
			<u>(7,818,405,122)</u>

Người lập



Trần Minh Nguyệt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Tổng Giám đốc



Trần Lệ Nguyên

